

QUYẾT ĐỊNH số 22/2005/QĐ-BNV
ngày 03/02/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ về việc cho phép
thành lập Hiệp hội Làng nghề
Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Ban vận động thành lập Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và của Vụ Tổ chức phi Chính phủ, Bộ Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập Hiệp hội Làng nghề Việt Nam.

Điều 2. Hiệp hội Làng nghề Việt Nam tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt và chịu sự quản lý Nhà nước thống nhất của Bộ Nội vụ và của Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn về lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội. Hiệp hội tự lo liệu kinh phí và phương tiện hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Chủ tịch Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

QUYẾT ĐỊNH số 23/2005/QĐ-BNV
ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ về việc phê duyệt
bản Điều lệ của Hội Kinh tế
xây dựng Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc ngày 21/11/2003 của Hội thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Đỗ Quang Trung

ĐIỀU LỆ Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam

(ban hành kèm theo Quyết định số 23/2005/QĐ-BNV ngày 15 tháng 02 năm 2005 của Bộ Nội vụ).

Chương I

TÊN HỘI - TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

Điều 1. Tên gọi.

- Tên tổ chức là: Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam

- Tên tiếng Anh : Vietnamese Association of Construction Economics

Tên viết tắt : VACE.

Điều 2. Tôn chỉ - Mục đích.

Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp tự nguyện của những tổ chức, cá nhân (gọi tắt là hội viên) hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng (Đào tạo - Bồi dưỡng - Nghiên cứu - Tư vấn - Quản lý - Nghiệp vụ) trong phạm vi toàn quốc, là Hội thành viên của Tổng hội Xây dựng Việt Nam. Hội là một Pháp nhân hoạt động độc lập; có biểu tượng, con dấu và tài sản; có tài khoản mở tại các ngân hàng; có cơ quan ngôn luận (Báo, Tạp chí, ấn phẩm...) và được quan hệ hoặc gia nhập các Hội quốc tế và khu vực cùng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Mục đích của Hội là tập hợp lực lượng cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, tư vấn, nghiệp vụ về kinh tế đầu tư và xây dựng; bồi dưỡng khuyến khích Hội viên trau dồi, nâng cao kiến thức, trình độ nghề nghiệp, trao đổi thông tin và các thành tựu khoa học tiến bộ... trong các lĩnh vực

nói trên, khai thác tài năng, trí tuệ và năng lực nghiệp vụ chuyên sâu của Hội viên để thực hiện chức năng Đào tạo - Bồi dưỡng kiến thức - Nghiên cứu - Tư vấn - Phản biện - Giám định xã hội - Nghiệp vụ về kinh tế trong đầu tư và xây dựng nhằm góp phần thúc đẩy ngành xây dựng Việt Nam phát triển theo đường lối chiến lược của Đảng và Nhà nước phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và thế giới.

Chương II

NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ của Hội.

1. Động viên, bồi dưỡng, khai thác năng lực sáng tạo của Hội viên thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước hướng vào việc nghiên cứu, triển khai, tổng kết kinh nghiệm, áp dụng khoa học kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh tế - xã hội của vốn đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu lực quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng.

2. Tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức mới và nâng cao trình độ nghiên cứu, trình độ thực hành nghiệp vụ tư vấn và năng lực quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng. Khuyến khích và tạo điều kiện giúp đỡ Hội viên có nhiều triển vọng phát triển, nhất là Hội viên

trẻ, nâng cao năng lực, tích lũy kinh nghiệm, phấn đấu trở thành những chuyên gia giỏi về nghiên cứu khoa học, tư vấn và quản lý kinh tế ngành.

3. Thực hiện chức năng tư vấn (đề xuất giải pháp, làm phản biện, đóng góp ý kiến, đánh giá hiệu quả kinh tế, tính khả thi các dự án, giám sát đánh giá đầu tư) về những chủ trương chính sách, pháp luật kinh tế, chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật trong đầu tư và xây dựng và về các dự án đầu tư - xây dựng của Nhà nước, của các tổ chức và doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

4. Trong khuôn khổ quy định của luật pháp Việt Nam và điều lệ của Tổng hội Xây dựng Việt Nam, Hội thiết lập các mối quan hệ đồng nghiệp với các tổ chức nghề nghiệp hoặc chuyên gia nước ngoài để trao đổi học thuật và kinh nghiệm quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng. Tổ chức việc hợp tác nghiên cứu và dịch vụ với nước ngoài và tranh thủ sự giúp đỡ điều kiện, phương tiện cần thiết để phát huy vai trò của Hội trong tiến trình đổi mới quản lý kinh tế đầu tư và xây dựng theo hướng hội nhập với khu vực và thế giới.

5. Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của Hội thành viên Tổng hội Xây dựng Việt Nam.

Điều 4. Quyền hạn của Hội.

1. Tổ chức nghiên cứu và ứng dụng các đề tài khoa học, hỗ trợ các dự án, nghiên cứu áp dụng, thực nghiệm khoa học quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng vào

hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng, thông qua các hợp đồng kinh tế theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức nghiên cứu và tổng hợp ý kiến của Hội viên đối với các dự án luật, các chính sách, chủ trương, biện pháp quản lý... thuộc lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng để trực tiếp hoặc thông qua Tổng hội đóng góp cho cơ quan, tổ chức có trách nhiệm của Đảng và của Nhà nước.

3. Tổ chức hoặc tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học; báo cáo chuyên đề; thi sáng tạo; tham quan; điều tra khảo sát thực tế; triển lãm phổ biến thành tựu khoa học, kinh nghiệm quản lý kinh tế trong đầu tư và xây dựng trong và ngoài nước.

4. Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn trung hạn hoặc dài hạn về nghiệp vụ chuyên môn về kinh tế đầu tư và xây dựng do Hội tổ chức theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức thông tin, cập nhật tư liệu thuộc lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng dưới các hình thức thích hợp như: Biên soạn sách, tài liệu chuyên môn, tạp chí, thông tin của Hội để xuất bản theo quy định của pháp luật.

6. Tổ chức đánh giá thành tích, khen thưởng kịp thời các hoạt động sáng tạo của Hội viên hoặc của các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng.

Chương III

HỘI VIÊN - QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên của Hội.

1. Hội viên chính thức: mọi công dân Việt Nam có trình độ cao đẳng hoặc đại học trở lên đã và đang hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đầu tư và xây dựng, tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội, đều có thể kết nạp vào Hội. Hội bao gồm Hội viên tập thể và Hội viên cá nhân có điều kiện tham gia thường xuyên mọi hoạt động do Hội đề ra và sinh hoạt ở một tổ chức cơ sở của Hội.

2. Hội viên danh dự : là những người có nhiều kinh nghiệm tổ chức quản lý, uy tín cao, kiến thức rộng đã có công lao đóng góp sức lực và trí tuệ cho sự nghiệp kinh tế đầu tư và xây dựng được Ban chấp hành Hội phong tặng danh hiệu Hội viên danh dự và mời sinh hoạt Hội, hoặc mời tham gia công tác trong những trường hợp cần thiết.

3. Hội viên liên kết: những người Việt gia nhập Hội hoặc ra khỏi Hội nam ở nước ngoài và những công dân nước ngoài cộng tác với Hội dưới các hình thức thích hợp được coi là Hội viên liên kết của Hội.

4. Hội viên danh dự và Hội viên liên kết được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức nhưng không có quyền ứng cử, bầu cử vào Ban chấp

hành và các chức danh lãnh đạo của Hội và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 6. Gia nhập Hội hoặc ra khỏi Hội.

Hội viên của Hội phải là người có đơn xin gia nhập và đã được Thường trực Ban chấp hành Hội xét, quyết định kết nạp. Tuổi Hội viên tính từ ngày quyết định kết nạp. Hội viên muốn ra khỏi Hội, phải gửi đơn đến Hội. Hiệu lực ra Hội của người xin ra tính từ ngày Quyết định xóa tên khỏi danh sách Hội viên.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Hội viên.

1. Quyền của Hội viên:

a) Được tham dự các buổi báo cáo chuyên đề, hội thảo, hoặc được ưu đãi khi tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và các buổi sinh hoạt khác do Hội tổ chức. Được quyền sử dụng các loại thông tin tư liệu do Hội thiết lập và cung cấp theo quy định của pháp luật.

b) Được hỗ trợ về tinh thần và vật chất (trong điều kiện cho phép) trong quá trình hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội.

c) Được Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng trong mọi hoạt động với tư cách Hội viên.

d) Được thông báo thường xuyên về các hoạt động của Hội, thảo luận biểu quyết các quyết nghị và các công việc quan trọng của Hội. Tham gia xây dựng phát

triển Hội. Bầu cử, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội.

e) Được quyền đề nghị Hội tạo điều kiện tham gia công tác do Hội tổ chức phù hợp với khả năng, hoàn cảnh của từng cá nhân trong từng thời kỳ.

2. Nghĩa vụ của Hội viên:

a) Tuân thủ Điều lệ của Hội, chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối hoạt động và các nghị quyết của Hội. Làm tròn mọi nhiệm vụ được Hội giao phó.

b) Tuyên truyền phát triển Hội. Trau dồi kiến thức và tư cách đạo đức nghề nghiệp. Trung thực, khách quan trong công việc, hợp tác thân thành với tất cả Hội viên trong Hội cũng như các tổ chức, cá nhân ngoài xã hội. Có nghĩa vụ thu thập, cung cấp thông tin cho Hội theo quy định của pháp luật.

c) Tham gia đóng góp ý kiến, cung cấp thông tin, viết bài cho Tạp chí, Tờ Báo hoặc Tờ thông tin... của Hội.

d) Đóng Hội phí đầy đủ theo quy định của Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC HỘI

Điều 8. Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam được tổ chức theo 2 cấp:

Hội và Chi hội.

Chi hội Kinh tế xây dựng là đơn vị cơ

sở được thành lập theo địa phương hoặc theo đơn vị tổ chức là cơ quan hành chính, nghiên cứu, đào tạo hoặc sản xuất kinh doanh.

Chi hội Kinh tế xây dựng có Ban chấp hành chi hội (gồm Chi hội trưởng, Chi hội phó, Thư ký Chi hội) và các Hội viên.

Chi hội được hoạt động theo Điều lệ Hội và pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Đại hội Đại biểu toàn quốc của Hội.

Là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội.

Nhiệm kỳ Đại hội là 5 năm. Khi có 2/3 ủy viên Ban chấp hành yêu cầu hoặc có trên 50% Hội viên đề nghị thì tiến hành Đại hội bất thường. Đại hội phải có đủ 2/3 Đại biểu Hội viên có mặt mới có giá trị. Đại biểu Hội viên tham dự Đại hội phải do Hội nghị Hội viên ở các Chi hội cơ sở của Hội bầu với tỷ lệ do Ban chấp hành Hội quy định.

Điều 10. Nhiệm vụ của Đại hội.

a) Thảo luận các báo cáo và kiến nghị của Ban chấp hành các cấp và Hội viên; quyết định các chủ trương, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới và các công việc quan trọng khác của Hội.

b) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Hội.

c) Bầu Ban chấp hành Hội theo nguyên tắc bầu trực tiếp và được trên 50% Hội viên có mặt tại Đại hội tín nhiệm.

Điều 11. Ban chấp hành Trung ương Hội.

Là Cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

Ban chấp hành Hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội. Thảo luận và thông qua chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

b) Bầu và bãi miễn các thành viên cơ quan Thường trực Ban chấp hành. Quyết định khen thưởng, kỷ luật ủy viên ban chấp hành Hội.

c) Cử bổ sung số ủy viên Ban chấp hành Hội bị khuyết nhưng không quá 1/5 số ủy viên do Đại hội đã bầu.

d) Quyết định mức hội phí.

e) Quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 12. Ban Thường vụ Trung ương Hội.

Ban Thường vụ Trung ương Hội là cơ quan Thường trực của Ban chấp hành Trung ương Hội. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, Tổng thư ký và một số ủy viên. Số lượng thành viên Ban Thường vụ Hội không quá 15 người và do Đại hội bầu. Ban Thường vụ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Lập và báo cáo Ban chấp hành Hội chương trình - kế hoạch công tác hàng năm, 6 tháng.

b) Chỉ đạo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Hội.

c) Quyết định công nhận Chi Hội và Ban chấp hành Chi hội.

d) Quyết định kết nạp Hội viên theo Điều lệ Hội.

e) Quyết định khen thưởng, kỷ luật, xóa khỏi danh sách Hội viên.

g) Ban Thường vụ họp toàn thể 6 tháng một lần vào đầu năm và giữa năm để giải quyết công việc thường kỳ. Trong trường hợp đột xuất, không có điều kiện triệu tập hội nghị Ban chấp hành, Ban thường vụ có thể họp bất thường với sự nhất trí thông qua Nghị quyết để giúp Chủ tịch Hội giải quyết những vấn đề cần thiết thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chấp hành.

Điều 13. Chủ tịch Hội.

Chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra trong số các ủy viên Thường vụ, có nhiệm vụ chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành, Ban Thường vụ, điều hành việc triển khai các Nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ.

Quyết định thành lập văn phòng Hội, các Ban chuyên môn và các Tổ chức trực thuộc; bổ nhiệm các Trưởng, Phó Ban chuyên môn, Chánh văn phòng, Kế toán trưởng và người đứng đầu các Tổ chức trực thuộc.

Điều 14. Phó Chủ tịch Hội.

Các Phó chủ tịch Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu, được Chủ tịch phân công phụ trách từng mặt hoạt động và từng bộ phận tổ chức của Hội.

Phó chủ tịch thường trực Hội được Chủ tịch Hội ủy quyền thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp hoặc giải quyết các công việc của Hội khi Chủ tịch Hội đi vắng.

Điều 15. Tổng thư ký Hội.

Tổng thư ký Hội do Ban chấp hành Trung ương Hội bầu, thực hiện nhiệm vụ do Chủ tịch Hội phân công và điều hành mọi hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 16. Ban Thư ký Hội.

Ban thư ký gồm: Tổng thư ký, Phó tổng thư ký và không quá 5 ủy viên do Tổng thư ký đề cử và Chủ tịch Hội bổ nhiệm. Tổng thư ký chịu trách nhiệm chỉ đạo Ban thư ký thực hiện các công tác hàng ngày của Hội. Ban thư ký có một số cán bộ chuyên trách.

Điều 17. Ban kiểm tra của Hội.

1. Ban chấp hành Hội bầu Ban kiểm tra của Hội, bao gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên.

2. Ban kiểm tra của Hội có nhiệm vụ kiểm tra thực hiện Điều lệ của Hội, kiểm tra các hoạt động của Ban chấp hành Trung ương và kiểm tra tài chính của Hội, kiểm tra hoạt động của các tổ chức trực thuộc, xem xét các đơn thư khiếu nại có liên quan đến Hội và các thành viên của Hội.

3. Trưởng Ban kiểm tra của Hội được mời tham gia hội nghị thường kỳ của Ban Thường vụ. Ban kiểm tra có trách

nhệm báo cáo kết quả kiểm tra với Ban chấp hành Trung ương Hội và có quyền kiến nghị những biện pháp cần thiết.

Điều 18. Ban chuyên môn và Tổ chức trực thuộc.

Ban Thường vụ Trung ương Hội căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Hội có thể xem xét và quyết định thành lập các Ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật, kinh tế, dịch vụ để tăng cường năng lực hoạt động của Hội và để tạo nguồn tài chính cho hoạt động Hội. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội theo quy định của Pháp luật.

Viện - Phân Viện - Trung tâm nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, tư vấn kinh tế đầu tư và xây dựng trực thuộc Hội được thành lập khi có nhu cầu theo quy định của pháp luật để thực hiện một số chức năng nhiệm vụ của Hội.

Chương V

TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 19. Nguồn thu của Hội.

Kinh phí hoạt động của Hội được hình thành từ các nguồn thu:

* Hội phí do các Hội viên tập thể và Hội viên cá nhân đóng.

* Thu nhập từ các hoạt động dịch vụ có thu với danh nghĩa Hội.

* Quà tặng do các tổ chức, cá nhân trong ngoài nước tặng Hội.

* Các khoản tài trợ của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được hình thành từ các nguồn hợp pháp khác.

Hội có tài sản riêng, hình thành từ thu nhập của Hội dưới hình thức sở hữu chung và Ban chấp hành Hội là Chủ sở hữu đại diện theo pháp luật.

Điều 20. Quản lý tài chính.

Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo quy chế tài chính - kế toán của Hội phù hợp với chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước.

Điều 21. Xử lý tài chính khi giải thể.

Khi Hội hoặc một tổ chức của Hội giải thể hoặc bị giải thể phải tiến hành kiểm kê tài sản, quỹ và báo cáo Tổng hội Xây dựng (đối với Hội) hoặc Ban Thường vụ Trung ương Hội (đối với một tổ chức của Hội) trước khi xử lý tài sản và tiền còn lại, tiến hành thủ tục giải thể theo Nghị định 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 của Chính Phủ ban hành quy định về tổ chức hoạt động và quản lý Hội.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng.

Hội viên có thành tích trong hoạt động thì được các cơ quan lãnh đạo của Hội xét và khen thưởng theo Điều lệ của Hội.

Điều 23. Kỷ luật.

Hội viên vi phạm Điều lệ của Hội hoặc có hành vi làm tổn hại đến danh dự, uy tín, quyền lợi của Hội thì bị thi hành kỷ luật với các hình thức: Cảnh cáo, xóa tên khỏi danh sách Hội viên hoặc kiến nghị xử lý theo quy định tùy theo mức độ vi phạm. Người bị thi hành kỷ luật không chấp nhận kỷ luật, có quyền bào chữa trước tổ chức xét kỷ luật, khiếu nại.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Việc sửa đổi Điều lệ của Hội phải do Đại hội tiến hành hoặc trong trường hợp thật cần thiết, khi xem xét, quyết định bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ nội dung các điều trong Điều lệ, phải được ít nhất trên 50% số ủy viên Ban chấp hành Hội nhất trí thông qua.

Điều 25. Hiệu lực thi hành.

Bản Điều lệ này đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III nhiệm kỳ 2003 - 2008 nhất trí thông qua và giao cho Thường trực Ban chấp hành Hội sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với Điều lệ Tổng hội Xây dựng Việt Nam và đã được thông qua trong phiên họp Ban thường vụ Trung ương Hội mở rộng ngày 6 tháng 10 năm 2004.

Điều lệ này có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ Nội vụ./.

BỘ NGOẠI GIAO

QUYẾT ĐỊNH số 281/2005/QĐ-BNG
ngày **02/02/2005** của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Quan hệ Quốc tế.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Nghị định số 21/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 279/CT ngày 01 tháng 8 năm 1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về đổi tên Viện Quan hệ Quốc tế, Bộ Ngoại giao thành Học viện Quan hệ Quốc tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Học viện Quan hệ Quốc tế và Vụ trưởng Vụ Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Học viện Quan hệ Quốc tế là tổ chức sự nghiệp thuộc Bộ Ngoại giao, hoạt động trên cơ sở ngân sách Nhà nước, phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao trong các hoạt động: đào tạo - bồi dưỡng cán bộ đối ngoại có trình độ